TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16/7/2018
«V/v Tranh chấp về ly hôn »

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Mai Phương và bà Lê Thị Thanh Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Lê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 th¸ng 7 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2018/TLST - HNGĐ ngày 02/5/2018 về việc: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: Tổ H, khu HA, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: Tổ S, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Viết T), sinh năm: xxxx; Tổ H, khu HA, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (Đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2018, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị L đều trình bày: Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Viết T) từ năm 1986 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường C, thị xã C (nay là thành phố C) tỉnh Quảng Ninh, trước khi kết hôn ông bà cũng có thời gian tìm hiểu là 01 năm, sau khi kết hôn về sống tại nhà riêng ở tổ MB, phường C (nay là tổ 5, khu 5B) phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 1990 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thay đổi tính cách không còn quan tâm đến bà như trước nên trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Ông bà quyết định sống ly thân nhau từ năm 1990, mỗi người một nơi, không còn

quan hệ tình cảm với nhau, sau đó ông T đã bỏ đi khỏi địa phương ngay trong năm 1990, không còn quan tâm đến cuộc sống của bà và con chung nữa. Do ông T bỏ đi biệt tích từ năm 1990 cho đến nay không có tin tức gì, bà đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C tuyên bố ông mất tích. Ngày 27/3/2018 Tòa án nhân dân thành phố C có Quyết định số 01/2018/QĐDS–ST tuyên bố ông Nguyễn Văn T mất tích, ngày mất tích được xác định là ngày 01/01/1993. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Viết T

+ Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T 01 con chung là Nguyễn Vũ Ngọc T, sinh ngày xx/x/1987, đã trưởng thành, không có khiếm khuyết về thể chất, tâm thần.

+ Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Văn T không có tài sản và công nợ chung.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T có tài sản riêng là một căn nhà mái bằng diện tích sử dụng 49m^2 xây dựng trên mảnh đất có diện tích là 348,9m^2, ông T mua từ trước khi kết hôn với bà chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có xác nhận của: Xí nghiệp Vận tải ô tô C ngày 17/01/1984, UBND phường C ngày 01/2/1984 và ban Nông nghiệp thị xã C. Theo sơ đồ kỹ thuật hiện nay, thửa đất có số là: 129; tờ BĐĐC số 55; tên người sử dụng đất: Nguyễn Văn T – Vũ Thị L; Địa chỉ thửa đất: Tổ N (tổ MD cũ), khu NB (khu N cũ) phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Tổng diện tích 348,9m^2. Tài sản này đã được giải quyết theo Quyết định số 01/2018/QĐDS–ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C tuyên bố ông T mất tích và giao cho con chung Nguyễn Vũ Ngọc T là người quản lý, vì vậy bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà có tài sản riêng, cụ thể như sau: Từ khi ông bà sống ly thân và ông T bỏ đi cho đến năm 1995, khi bà ở nhà tập thể giáo viên, mỏ than Cọc Sáu và UBND phường C có giải quyết cấp đất cho công nhân ở khu M/M Cọc Sáu. Bằng tiền lao động, tiết kiệm và tiền giúp đỡ của người thân (bố mẹ đẻ) bà đã mua được mảnh đất có diện tích 81m^2 (thửa số 275, lô 32, tờ bản đồ số QH-01), khu M/M, phường C, thành phố C với giá tiền mua là 11 triệu đồng và được UBND tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K xxxxxx ngày xx/xx/xxxx mang tên bà Vũ Thị L.

Khoảng năm 2005, 2006 khi vẫn đang ở nhà tập thể giáo viên, bà được nhà trường và UBND thị xã C (nay là thành phố C) thanh lý cho căn nhà cấp 4 xây trên diện tích đất được quyền sử dụng là 116m^2 với giá thanh lý gần 20 triệu đồng thuộc tổ HA, khu H (nay là tổ H, khu HA), phường C, thành phố C và được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK xxxxxx, số vào sổ H xxx ngày xx/x/xxxx mang tên bà Vũ Thị L.

Năm 2008 với nguyện vọng về ở gần bố mẹ đẻ, cũng bằng tiền công sức lao động, tiết kiệm và sự giúp đỡ của người thân bà đã mua được một mảnh đất diện tích được quyền sử dụng là 73m^2 tại tổ B (nay thuộc tổ B, khu B3), phường C, thành phố C và được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM xxxxxx, số vào sổ H xxxx ngày xx/x/xxx mang tên bà là Vũ Thị L,

sau đó bà xây 01 căn nhà mái bằng cấp 4 diện tích sử dụng 64m^2 trên mảnh đất đó để ở cùng với con gái từ năm 2008 cho đến nay.

Tất cả các tài sản này đều hình thành do công sức lao động của bà tạo nên từ năm 1997 sau khi ông bà sống ly thân và sau thời điểm ông T bị tuyên bố mất tích nên bà yêu cầu Tòa án ghi nhận các tài sản này là tài sản riêng của bà để thuận lợi cho bà trong quá trình giao dịch, chuyển nhượng, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

* Do ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác là Nguyễn Viết T) đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh nên không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Vũ Ngọc T (là con chung của bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Văn T) ngày 14/6/2018, chị T cho biết: Từ năm 1990 bố chị là ông Nguyễn Văn T đã bỏ mẹ con chị, chị không hiểu vì sao và cũng không biết về mâu thuẫn của bố mẹ. Khi lớn lên mẹ con chị cũng đã cố gắng tìm kiếm tin tức nhưng cũng không có thông tin xác thực, từ ngày bố chị bỏ đi chị chưa được gặp lại bố lần nào. Ngày 27/3/2018 Tòa án nhân dân thành phố C đã có Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST tuyên bố ông Nguyễn Văn T mất tích, xác định ngày mất tích là ngày 01/01/1993 nên chị không có ý kiến gì về việc mẹ chị xin ly hôn. Về phần tài sản riêng của bố chị, Tòa án C đã giao cho chị quản lý theo Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 27/3/2018. Phần tài sản riêng của mẹ chị được tạo dựng từ năm 1997 đến năm 2008 gồm có:

1. Tài sản là 81 m^2 đất ở tại khu M/M, phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả (thửa số 275, lô 32, tờ bản đồ số QH-01) được UBND tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K xxxxxx ngày xx/xx/xxxx mang tên bà Vũ Thị L.

2. Tài sản là căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất 116m^2 thuộc tổ HA, (nay là tổ H, khu HA), phường C, thành phố C đã được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK xxxxxx, số vào sổ H xxx ngày xx/x/xxxx mang tên bà Vũ Thị L.

3. Tài sản là 01 căn nhà mái bằng xây trên đất diện tích 73,45m^2 tại tổ B (nay thuộc tổ S, khu B), phường C, thành phố C được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM xxxxxx, số vào sổ H xxxx ngày xx/x/xxxx mang tên bà Vũ Thị L.

Tất cả số tài sản trên chị không có công sức đóng góp gì, mẹ chị (bà Vũ Thị L) đề nghị Tòa án xác định là tài sản riêng của mẹ chị là đúng, đảm bảo quyền lợi của mẹ chị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ

khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn – ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác Nguyễn Viết T) đã được tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Viết T) kết hôn với nhau vào năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C (nay là thành phố C) là cuộc hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng ông bà chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà L trình bày là do ông bà không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất, cuộc sống gia đình không hạnh phúc nên ông bà quyết định sống ly thân nhau từ năm 1990. Sau đó ông T bỏ đi đâu không rõ, bà cũng đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức xác thực. Ngày 27/3/2018 Tòa án nhân dân thành phố C đã có Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST tuyên bố ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Viết T) mất tích, xác định ngày mất tích là ngày 01/01/1993. Tình trạng hôn nhân của của bà L và ông T cũng phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Vũ Ngọc T là con chung của ông bà.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận.

* Về con chung: Bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là: Nguyễn Vũ Ngọc T, sinh ngày xx/x/1987, đã thành niên, không có khiếm khuyết về thể chất, tâm thần nên HĐXX không xem xét.

* Về tài sản và công nợ chung: Không có. Về tài sản riêng của ông T đã được giao cho chị Nguyễn Vũ Ngọc T quản lý theo Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Bà L đề nghị Tòa án xác định khối tài sản thuộc sở hữu riêng của bà gồm:

1. Quyền sử dụng diện tích đất ở là 81 m^2 tại khu M/M, phường C (thửa số 275, lô 32, tờ số bản đồ QH-01) được UBND tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K xxxxxx ngày xx/xx/xxxx mang tên Vũ Thị L.

2. Một căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất được quyền sử dụng là 116m^2 thuộc tổ HA, (nay là tổ H, khu HA), phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK xxxxxx, số vào sổ H xxx ngày xx/x/xxxx mang tên Vũ Thị L.

3. Một căn nhà cấp 4 diện tích sử dụng 64m^2 xây trên diện tích đất được quyền sử dụng là 73,45m^2 tại tổ B (nay thuộc tổ S, khu B), phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh) được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM xxxxxx, số vào sổ H xxxx ngày xx/x/xxxx mang tên Vũ Thị L.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là những tài sản do bà L tạo dựng từ năm 1997 đến năm 2008, sau khi bà và ông Nguyễn Văn T đã sống ly thân và sau thời điểm ông T bị tuyên bố mất tích, lời khai của bà L về nguồn gốc hình thành khối tài sản này cũng phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Vũ Ngọc T và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Quảng Ninh và UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp cho bà Vũ Thị L, nên cần ghi nhận đây là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà L để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L.

[3] Về án phí: Bà Vũ Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 68; Điều 206 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 43, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngµy 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Viết T).

2. Về tài sản và công nợ chung: Không có.

Về tài sản riêng: Xác định tài sản thuộc sở hữu riêng của bà Vũ Thị L gồm có:

+ Quyền sử dụng diện tích đất ở là 81 m^2 tại khu M/M, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (thửa số 275, lô 32, tờ bản đồ số QH-01) được UBND tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K xxxxxx ngày xx/xx/xxxx mang tên bà Vũ Thị L.

+ Một căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất được quyền sử dụng là 116m^2 thuộc tổ HA (nay là tổ H, khu HA), phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh) được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK xxxxxx, số vào sổ H xxx ngày xx/x/xxxx mang tên bà Vũ Thị L.

+ Một căn nhà mái bằng diện tích 64m^2 xây trên diện tích đất được quyền sử dụng là 73,45m^2 tại tổ B (nay thuộc tổ S, khu B), phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM xxxxxx, số vào sổ H xxxx ngày xx/x/xxxx mang tên bà Vũ Thị L.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp ngày 27/4/2018 theo biên lai số: 0009997 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSNDTP C;*
- *Chi cục THADSTP C;*
- *UBND phường C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, vp.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh